

THỐNG KÊ ĐIỂM BÌNH QUÂN CÁC MÔN THI CỦA QUẬN HUYỆN
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2019-2020

TRƯỜNG	TOÁN	
	% >= 5	điểmbq
THCS NGUYỄN DU	78.77	6.35
THCS MINH ĐỨC	55.74	5.11
THCS ĐỨC TRÍ	48.00	4.95
THCS VÕ TRƯỜNG TOÀN	70.90	5.80
THCS TRẦN VĂN ƠN	67.74	5.66
THCS VĂN LANG	54.61	5.17
THCS HUỖNH KHƯƠNG NINH	81.66	6.37
THCS ĐỒNG KHỞI	36.64	4.53
THCS CHU VĂN AN	49.61	4.91
THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	99.28	8.47
THPT LƯƠNG THẾ VINH	63.61	5.59
THCS VÀ THPT ĐĂNG KHOA	0.00	2.25
QUẬN 1	67.61	5.93
THPT SONG NGŨ QUỐC TẾ HORIZON	40.00	3.70
THCS AN PHÚ	52.82	5.28
THCS GIỒNG ÔNG TỔ	46.64	4.82
THCS NGUYỄN VĂN TRỖI	55.29	5.16
THCS THANH MỸ LỢI	37.80	4.43
THCS LƯƠNG ĐỊNH CỬA	66.07	5.82
THCS BÌNH AN	49.03	5.12
THCS NGUYỄN THỊ ĐỊNH	41.72	4.71
THCS TRẦN QUỐC TOÀN	84.21	6.22
QUẬN 2	52.59	5.15
TH - THCS VÀ THPT ÚC CHÂU	50.00	4.66
TH - THCS VÀ THPT QUỐC TẾ Á CHÂU	70.15	5.54
THCS BÀN CỜ	63.03	5.52
THCS COLETTE	71.23	5.96
THCS ĐOÀN THỊ ĐIỂM	70.77	6.01
THCS HAI BÀ TRƯNG	64.17	5.62
THCS LÊ LỢI	63.29	5.55
THCS LÊ QUÝ ĐÔN	76.42	6.15
THCS LƯƠNG THẾ VINH	41.38	4.68
THCS THẮNG LONG	51.35	4.87
THCS BẠCH ĐĂNG	63.32	5.70
THCS KIẾN THIẾT	56.45	5.06
THCS PHAN SÀO NAM	56.35	5.09
TH - THCS VÀ THPT TÂY ÚC	66.67	4.58
QUẬN 3	67.14	5.72
THCS NGUYỄN HUỆ	32.32	4.17
THCS QUANG TRUNG	33.69	4.09
THCS TĂNG BẠT HỒ A	37.89	4.41
THCS VÂN ĐỒN	86.80	6.82
THCS KHÁNH HỘI A	39.04	4.48
THCS CHI LĂNG	39.41	4.36
QUẬN 4	43.22	4.64
THCS BA ĐÌNH	44.30	4.68
TH THỰC HÀNH SÀI GÒN	83.19	6.53
THCS KIM ĐỒNG	52.45	5.14
THCS HỒNG BÀNG	65.93	5.68
THCS TRẦN BỘI CƠ	54.49	5.17

TRƯỜNG	TOÁN	
	% >= 5	điểmbq
THCS LÝ PHONG	55.41	5.21
THCS MẠCH KIỂM HÙNG	48.40	4.74
THPT LÊ HỒNG PHONG	80.00	6.47
THPT VĂN LANG	50.00	4.13
QUẬN 5	61.66	5.51
THCS BÌNH TÂY	52.11	5.13
THCS PHÚ ĐỊNH	52.23	5.06
THCS VĂN THÂN	20.74	3.43
THCS PHẠM ĐÌNH HỒ	56.77	5.26
THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH	40.45	4.52
THCS ĐOÀN KẾT	33.80	4.19
THCS HOÀNG LÊ KHA	46.88	4.81
THCS LAM SƠN	47.42	5.04
THCS HẬU GIANG	52.85	5.13
THCS NGUYỄN VĂN LUÔNG	57.06	5.27
THCS VÀ THPT ĐÀO DUY ANH	0.00	1.13
THCS Mỹ Úc	25.00	4.25
QUẬN 6	48.52	4.92
THCS TRẦN QUỐC TUẤN	39.06	4.42
THCS HUỖNH TẤN PHÁT	41.19	4.44
THCS NGUYỄN HỮU THỌ	65.14	5.66
THCS NGUYỄN HIỀN	31.01	4.12
THCS NGUYỄN THỊ THẬP	40.89	4.62
THCS HOÀNG QUỐC VIỆT	43.77	4.74
THCS PHẠM HỮU LẦU	43.93	4.62
THCS NAM SÀI GÒN	69.72	5.57
THCS VÀ THPT ĐÌNH THIÊN LÝ	58.33	5.00
THCS VÀ THPT SAO VIỆT	68.42	5.33
THCS VÀ THPT ĐỨC TRÍ	74.83	5.97
TH - THCS VÀ THPT QUỐC TẾ CANADA	66.67	4.92
QUẬN 7	48.78	4.88
THCS DƯƠNG BÁ TRẠC	33.84	4.18
THCS KHÁNH BÌNH	39.84	4.65
THCS CHÁNH HƯNG	48.83	5.01
THCS SƯƠNG NGUYỆT ANH	20.82	3.59
THCS PHAN ĐĂNG LƯU	23.38	3.84
THCS TRẦN DANH NINH	17.89	3.44
THCS TÙNG THIÊN VƯƠNG	39.19	4.46
THCS LÊ LAI	36.00	4.40
THCS BÌNH AN	43.03	4.65
THCS BÌNH ĐÔNG	38.69	4.50
THCS LÝ THÁNH TÔNG	42.65	4.59
THCS PHÚ LỢI	40.14	4.63
THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Trãi	37.50	4.38
QUẬN 8	38.08	4.45
THCS PHƯỚC BÌNH	52.81	4.96
THCS HƯNG BÌNH	35.44	4.46
THCS HOA LƯ	65.36	5.58
THCS ĐẶNG TẤN TÀI	39.60	4.43
THCS TRẦN QUỐC TOẢN	59.52	5.59
THCS LONG TRƯỜNG	38.71	4.35
THCS LONG PHƯỚC	21.92	3.49

TRƯỜNG	TOÁN	
	% >= 5	điểmbq
THCS PHÚ HỮU	35.29	4.22
THCS LONG BÌNH	34.60	4.36
THCS TÂN PHÚ	41.20	4.61
THCS TRƯỜNG THANH	40.70	4.40
THCS TẮNG NHƠN PHÚ B	58.33	5.28
THCS VÀ THPT HOA SEN	5.00	2.50
TH - THCS VÀ THPT NGÔ THỜI NHIỆM	33.33	3.70
QUẬN 9	48.03	4.85
TH - THCS VÀ THPT VIỆT ÚC	63.04	4.44
THCS HOÀNG VĂN THỤ	52.91	5.07
THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG	62.14	5.52
THCS NGUYỄN VĂN TỔ	95.60	7.25
THCS LẠC HỒNG	56.47	5.25
THCS TRẦN PHÚ	56.32	5.25
THCS CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	43.07	4.48
THPT DIỄN HỒNG	39.09	4.48
THPT SƯƠNG NGUYỆT ANH	16.75	3.28
TH - THCS VÀ THPT VẠN HẠNH	50.00	4.56
TT GDTX QUẬN 10	100.00	5.25
THCS VÀ THPT DUY TÂN	0.00	2.75
QUẬN 10	53.36	5.07
THCS CHU VĂN AN	52.51	5.05
THCS LỮ GIA	54.81	5.22
THCS HẬU GIANG	38.11	4.43
THCS NGUYỄN VĂN PHÚ	42.74	4.49
THCS LÊ QUÝ ĐÔN	48.18	4.87
THCS NGUYỄN MINH HOÀNG	34.09	4.32
THCS LÊ ANH XUÂN	47.20	4.83
THCS PHÚ THỌ	42.26	4.58
THCS NGUYỄN HUỆ	46.59	4.64
THCS VIỆT MỸ	46.15	4.65
TRUNG TÂM GDTX QUẬN 11	0.00	0.00
TH - THCS VÀ THPT TRƯƠNG VĨNH KÝ	42.98	4.10
QUẬN 11	46.09	4.71
THCS AN PHÚ ĐÔNG	46.67	4.93
THCS NGUYỄN AN NINH	55.49	5.20
THCS PHAN BỘI CHÂU	52.34	5.02
THCS LƯƠNG THẾ VINH	52.34	5.11
THCS NGUYỄN ẨM THỦ	49.72	5.15
THCS NGUYỄN VĨNH NGHIỆP	54.12	5.13
THCS NGUYỄN HIỀN	55.79	5.29
THCS TRẦN QUANG KHẢI	64.78	5.57
THCS NGUYỄN HUỆ	55.84	5.17
THCS TRẦN HƯNG ĐẠO	54.55	5.09
THCS NGUYỄN TRUNG TRỰC	48.17	4.85
THCS THPT TUỆ ĐỨC	0.00	1.33
THCS VÀ THPT BẮC SƠN	33.33	4.42
THCS VÀ THPT LẠC HỒNG	40.00	4.30
TiH-THCS-THPT MỸ VIỆT	85.71	5.57
THCS THPT NAM VIỆT	8.70	2.00
THCS VÀ THPT NGỌC VIỄN ĐÔNG	50.00	4.88
QUẬN 12	54.42	5.15

TRƯỜNG	TOÁN	
	% >= 5	điểmbq
THCS LAM SƠN	51.74	4.91
THCS HÀ HUY TẬP	61.18	5.38
THCS NGUYỄN VĂN BẾ	59.43	5.47
THCS RẠNG ĐÔNG	45.36	4.77
THCS BÌNH LỢI TRUNG	46.25	4.69
THCS LÊ VĂN TÁM	72.83	6.05
THCS PHÚ MỸ	48.31	4.95
THCS CỬU LONG	28.18	4.00
THCS ĐỒNG ĐA	63.88	5.57
THCS THANH ĐA	40.96	4.59
THCS TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	55.07	5.14
THCS YẾN THẾ	31.03	3.78
THCS ĐIỆN BIÊN	26.67	4.08
THCS CÙ CHÍNH LAN	26.32	3.79
TH, THCS, THPT VINSCHOOL	33.33	2.97
TiH,THCS VÀ THPT MÙA XUÂN	75.00	4.34
THCS BÌNH QUỚI TÂY	40.43	4.54
TT GDTX QUẬN BÌNH THẠNH	0.00	2.58
QUẬN BÌNH THẠNH	52.92	5.07
THCS NGUYỄN VĂN TRỖI	60.92	5.33
THCS NGUYỄN DU	67.78	5.80
THCS GÒ VẤP	57.86	5.36
THCS QUANG TRUNG	63.57	5.48
THCS PHẠM VĂN CHIÊU	64.94	5.65
THCS PHAN TÂY HỒ	65.14	5.52
THCS AN NHƠN	53.69	5.05
THCS NGUYỄN VĂN NGHI	58.74	5.42
THCS NGUYỄN TRÃI	65.45	5.65
THCS TÂN SƠN	65.24	5.55
THCS HUỖNH VĂN NGHỆ	59.76	5.29
THCS TRƯỜNG SƠN	56.15	5.12
THCS THÔNG TÂY HỘI	61.40	5.42
THCS LÝ TỰ TRỌNG	50.69	4.90
TH,THCS, THPT NAM MỸ	100.00	6.33
PTDL HERMANN GMEINER	44.62	4.69
THCS VÀ THPT NGUYỄN TRI PHƯƠNG	0.00	1.00
QUẬN GÒ VẤP	61.14	5.41
THCS VÀ THPT HỒNG HÀ	26.67	3.87
THCS VÀ THPT QUANG TRUNG NGUYỄN	25.00	3.63
THCS CẦU KIỂU	51.17	5.04
THCS ĐỘC LẬP	52.88	5.05
THCS NGÔ TẤT TỐ	58.52	5.31
THCS CHÂU VĂN LIÊM	44.60	4.47
THCS ĐÀO DUY ANH	50.38	5.09
THCS TRẦN HUY LIỆU	48.11	5.02
TH - THCS VÀ THPT QUỐC TẾ	100.00	6.00
THCS VÀ THPT VIỆT ANH	40.00	3.90
QUẬN PHÚ NHUẬN	52.58	5.05
THPT VIỆT THANH	0.00	0.00
THCS NGÔ SĨ LIÊN	64.20	5.48
THCS NGUYỄN GIA THIỀU	79.23	6.32
THCS QUANG TRUNG	60.82	5.37

TRƯỜNG	TOÁN	
	% >= 5	điểmbq
THCS LÝ THƯỜNG KIỆT	45.50	4.71
THCS VÕ VĂN TẦN	54.57	5.14
THCS HOÀNG HOA THÁM	68.10	5.69
THCS TRƯỜNG CHINH	68.10	5.65
THCS ÂU LẠC	61.90	5.45
THCS TÂN BÌNH	63.06	5.53
THCS PHẠM NGỌC THẠCH	46.67	5.00
THCS NGÕ QUYỄN	64.59	5.45
THCS TRẦN VĂN ĐANG	49.54	4.61
TH, THCS VÀ THPT THANH BÌNH	19.05	3.51
THCS VÀ THPT NGUYỄN KHUYẾN	95.71	7.16
THCS VÀ THPT VIỆT MỸ	20.00	3.00
THCS VÀ THPT THÁI BÌNH	80.00	6.15
THCS VÀ THPT BẮC ÁI	0.00	2.50
THPT HAI BÀ TRƯNG	0.00	2.25
TT GDTX QUẬN TÂN BÌNH	0.00	2.33
TH - THCS VÀ THPT THÁI BÌNH DƯƠNG	16.67	3.33
QUẬN TÂN BÌNH	64.41	5.54
THCS LÊ QUÝ ĐÔN	57.25	5.25
THCS TRƯƠNG VĂN NGƯ	44.94	4.65
THCS NGÕ CHÍ QUỐC	41.13	4.47
THCS HIỆP BÌNH	26.15	4.01
THCS THÁI VĂN LUNG	45.35	4.76
THCS TAM BÌNH	46.18	4.67
THCS XUÂN TRƯỜNG	35.80	4.23
THCS LINH TRUNG	37.74	4.39
THCS LINH ĐÔNG	31.44	4.14
THCS BÌNH CHIỂU	42.35	4.59
THCS BÌNH THỌ	54.65	5.23
THCS LÊ VĂN VIỆT	38.26	4.57
THCS NGUYỄN VĂN BÁ	32.61	4.29
THCS TRƯỜNG THỌ	52.56	5.01
THPT NĂNG KHIẾU THỂ THAO OLYMPIC	40.00	4.10
QUẬN THỦ ĐỨC	42.42	4.60
THCS NGUYỄN THÁI BÌNH	36.28	4.35
THCS PHONG PHÚ	23.67	4.00
THCS QUI ĐỨC	27.91	4.16
THCS HƯNG LONG	17.52	3.58
THCS BÌNH CHÁNH	32.00	4.23
THCS TÂN TÚC	32.00	4.30
THCS TÂN KIÊN	30.23	4.34
THCS ĐA PHƯỚC	37.34	4.49
THCS PHẠM VĂN HAI	34.74	4.33
THCS ĐỒNG ĐEN	47.89	4.81
THCS NGUYỄN VĂN LINH	28.63	4.15
THCS TÂN QUÝ TÂY	32.99	4.37
THCS GÒ XOÀI	29.76	4.05
THCS VĨNH LỘC A	45.57	4.75
THCS LÊ MINH XUÂN	23.66	3.82
THCS VĨNH LỘC B	30.10	4.11
THCS TÂN NHỰT	22.84	4.05
THCS VÕ VĂN VÂN	43.17	4.74

TRƯỜNG	TOÁN	
	% >= 5	điểmbq
THCS VÀ THPT BẮC MỸ	100.00	5.25
TH THCS VÀ THPT ALBERT EINSTEIN	0.00	2.00
HUYỆN BÌNH CHÁNH	32.55	4.27
THCS AN THỚI ĐÔNG	18.65	3.50
THCS BÌNH KHÁNH	26.09	3.94
THCS CẦN THẠNH	29.44	4.00
THCS LONG HOÀ	20.00	3.34
THCS LÝ NHƠN	26.32	3.76
THCS TAM THÔN HIỆP	14.49	3.25
THCS-THPT THẠNH AN	10.42	2.99
THCS ĐOI LẦU	32.61	3.85
HUYỆN CẦN GIỜ	23.41	3.69
THCS TÂN PHÚ TRUNG	31.87	4.15
THCS TÂN THÔNG HỘI	30.10	3.88
THCS TÂN TIẾN	41.61	4.61
THCS THỊ TRẦN	29.68	4.00
THCS THỊ TRẦN 2	51.55	5.04
THCS PHƯỚC VINH AN	27.03	3.95
THCS PHƯỚC HIỆP	21.19	3.67
THCS PHƯỚC THẠNH	37.98	4.41
THCS NGUYỄN VĂN XƠ	26.67	3.97
THCS TRUNG LẬP HẠ	25.00	3.90
THCS TRUNG LẬP	24.68	3.63
THCS AN NHƠN TÂY	31.95	4.27
THCS AN PHÚ	21.43	3.80
THCS NHUẬN ĐỨC	32.29	4.10
THCS PHẠM VĂN CỘI	31.34	4.02
THCS PHÚ HÒA ĐÔNG	23.10	3.56
THCS TÂN THẠNH ĐÔNG	23.37	3.57
THCS BÌNH HÒA	26.15	3.61
THCS PHÚ MỸ HƯNG	21.13	3.98
THCS HÒA PHÚ	35.96	4.19
THCS TÂN AN HỘI	40.61	4.52
THCS TÂN THẠNH TÂY	29.01	3.61
THCS TRUNG AN	21.67	3.61
TH, THCS TÂN TRUNG	14.29	3.31
HUYỆN CỬ CHI	30.39	4.00
THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG	83.79	6.57
THCS THỊ TRẦN	30.08	4.03
THCS TAM ĐÔNG 1	35.71	4.29
THCS LÝ CHINH THẮNG 1	37.03	4.33
THCS TRUNG MỸ TÂY 1	48.56	4.95
THCS ĐÔNG THẠNH	38.26	4.44
THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO	40.37	4.62
THCS ĐẶNG CÔNG BÌNH	37.58	4.33
THCS ĐỖ VĂN DẬY	41.61	4.62
THCS PHAN CÔNG HỚN	39.42	4.55
THCS TÂN XUÂN	38.44	4.67
THCS XUÂN THỚI THƯỢNG	31.72	4.20
THCS TÔ KÝ	46.49	4.66
HUYỆN HÓC MÔN	41.33	4.60
THCS NGUYỄN BÌNH KIỆM	53.80	5.07

TRƯỜNG	TOÁN	
	% >= 5	điểmbq
THCS LÊ VĂN HỮU	42.91	4.76
THCS HIỆP PHƯỚC	30.69	4.20
THCS NGUYỄN VĂN QUỲ	51.88	4.85
THCS HAI BÀ TRƯNG	33.46	4.15
THCS PHƯỚC LỘC	42.11	4.44
THCS LÊ THÀNH CÔNG	37.14	4.32
HUYỆN NHÀ BÈ	42.51	4.60
TH, THCS VÀ THPT HÒA BÌNH	40.00	4.38
THCS HÙNG VƯƠNG	52.86	5.16
THCS ĐỒNG KHỞI	66.99	5.74
THCS LÊ ANH XUÂN	70.82	6.04
THCS VÕ THÀNH TRANG	56.83	5.33
THCS ĐẶNG TRẦN CÔN	68.24	5.80
THCS LÊ LỢI	65.87	5.61
THCS TÂN THỚI HÒA	48.84	5.01
THCS THOẠI NGỌC HẦU	51.52	5.19
THCS TRẦN QUANG KHẢI	79.37	6.46
THCS NGUYỄN HUỆ	62.50	5.53
THCS PHAN BỘI CHÂU	53.28	5.16
THCS, THPT NAM VIỆT	0.00	2.46
THCS VÀ THPT NHÂN VĂN	28.57	3.43
THCS VÀ THPT HỒNG ĐỨC	38.46	3.77
THCS VÀ THPT TRÍ ĐỨC	39.47	3.92
THCS VÀ THPT KHAI MINH	40.00	3.05
THCS VÀ THPT TÂN PHÚ	26.92	3.34
THCS VÀ THPT ĐÌNH TIÊN HOÀNG	30.77	3.21
TIH THCS HỒNG NGỌC	66.67	5.56
TT GDTX QUẬN TÂN PHÚ	25.00	1.44
QUẬN TÂN PHÚ	60.58	5.48
THCS AN LẠC	47.59	4.97
THCS BÌNH TRỊ ĐÔNG	37.64	4.40
THCS HỒ VĂN LONG	42.81	4.66
THCS BÌNH HƯNG HÒA	39.41	4.43
THCS LÊ TẤN BÊ	43.69	4.77
THCS TÂN TẠO	48.52	5.03
THCS BÌNH TRỊ ĐÔNG A	38.36	4.38
THCS BÌNH TÂN	36.87	4.40
THCS HUỖNH VĂN NGHỆ	42.78	4.49
THCS LÝ THƯỜNG KIỆT	50.76	4.93
THCS TRẦN QUỐC TOÀN	46.24	4.93
THCS TÂN TẠO A	31.10	3.99
THCS NGUYỄN TRÃI	41.70	4.47
THCS TRÍ TUỆ VIỆT	100.00	5.75
THPT CHU VĂN AN	0.00	1.25
THCS, THPT NGÔI SAO	69.44	5.77
THCS VÀ THPT PHAN CHÂU TRINH	6.25	2.44
QUẬN BÌNH TÂN	42.19	4.59
THÀNH PHỐ	49.92	4.96